

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 645/2026/DS-PT
Ngày: 11-5-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Ông Nguyễn Thiện Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 418/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2026/QĐ-PT ngày 17/3/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồng Cẩm L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số F, Đường số B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L:

1/ Ông Mai Trung Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt);

2/ Ông Phạm Trần L1, sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số A, đường T, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 5 năm 2023.

Bị đơn (có yêu cầu phản tố):

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1979.

2/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (Nay là xã M, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà Q: Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số B, đường C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 7 năm 2023 và ngày 17 tháng 4 năm 2024. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Công ty trách nhiệm hữu hạn S do bà Đặng Hồng Cẩm V – Giám đốc đại diện.

Địa chỉ trụ sở: Số F, Đường số B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn S:

1.1. Ông Mai Trung Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt);

1.2. Ông Phạm Trần L1, sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số A, đường T, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 5 năm 2023.

2/ Văn phòng C do bà Nguyễn Thị H1 – Trưởng Văn phòng đại diện.

Địa chỉ: Số B, đường Đ, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Hồng Cẩm L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 4 năm 2023 cùng các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồng Cẩm L do ông Mai Trung Đ đại diện theo ủy quyền có nội dung như sau:

Ngày 20 tháng 3 năm 2022, bà Q đến nhà bà L nói bà L nợ bà Q số tiền 20.326.980.000 đồng và yêu cầu bà L ký giấy nợ.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, bà Q kêu bà L ra ký Hợp đồng vay tiền công chứng cho bà Q và chồng là ông Nguyễn Văn T đối với số tiền 20.326.980.000 đồng này để đầy đủ pháp lý.

Tuy nhiên, sau khi ký nợ và bàn bạc việc bán nhà với bà Q thì bà L thấy bà Q nói đã tốn chi phí dịch vụ để lo hồ sơ của bà L rất nhiều và sẽ trừ lãi, gốc, chi phí dịch vụ vào tiền của bà L. Như vậy, việc ký xác nhận nợ ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Hợp đồng vay tiền công chứng số 002029 ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Văn phòng C là không đúng số tiền bà L vay của bà Q, việc này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L.

Nay bà L yêu cầu:

Hủy bỏ Hợp đồng vay tiền công chứng số 002029 ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Văn phòng C, được ký kết giữa bà L với bà Q và ông T.

Hủy bỏ Giấy xác nhận mượn tiền ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc bà L vay của bà Q và ông T số tiền 20.326.980.000 đồng.

Bị đơn có yêu cầu phản tố bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Văn T do ông Vũ Xuân H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do quen biết bà L với bà Q nên từ năm 2021 đến năm 2022, bà Q đã chuyển tiền nhiều lần với tổng số tiền 20.326.980.000 đồng. Ngày 20 tháng 02 năm 2023, bà Q đã yêu cầu bà L ký xác nhận nợ tổng số tiền 20.326.980.000 đồng nhưng tại thời điểm đó bà L không có tiền hoàn vốn nên hai bên đã bàn bạc thống nhất ngày 27 tháng 3 năm 2023, bà L yêu cầu bà Q lên Văn phòng C tại Thành phố Hồ Chí Minh để ký hợp đồng công chứng về việc bà L vay số tiền 20.326.980.000 đồng. Bà L lại đi kiện vợ chồng bà Q và ông T là không đúng. Nay bà Q và ông T có yêu cầu phản tố, buộc bà L có trách nhiệm trả cho ông T và bà Q số tiền 20.326.980.000 đồng. Ngoài ra, bà Q và ông T không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn S do ông Mai Trung Đ đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn S do bà V là con gái ruột của bà L đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 08 năm 2021, bà L có vay tiền của bà Q mà chuyển khoản vào tài khoản của Công ty trách nhiệm hữu hạn S. Sau khi nhận xong, Công ty trách nhiệm hữu hạn S đã giao lại cho bà L xong nhưng không nhớ cụ thể nhận bao nhiêu. Nay phát sinh tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C do bà Nguyễn Thị H1 – Trưởng Văn phòng đại diện trình bày:

Văn phòng C có chứng thực Hợp đồng vay tiền, số công chứng 002029 quyền số 02/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27 tháng 3 năm 2023 được ký kết giữa bên cho vay bà Q, ông T với bên vay bà L. Số tiền vay là 20.326.980.000 đồng. Tại thời điểm công chứng, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật và tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng vay tiền. Việc chứng thực hợp đồng trên đã được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Văn phòng C không có ý kiến gì trong vụ án này. Đồng thời, xin vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 418/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Cẩm L về việc “Tranh chấp Hủy bỏ Giấy xác nhận mượn tiền ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc bà L vay của bà Q và ông T số tiền 20.326.980.000 đồng” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Văn T.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Cẩm L về việc “Tranh chấp Hủy bỏ Hợp đồng vay tiền công chứng số 002029 ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Văn phòng C, được ký kết giữa bà L với bà Q và ông T” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Văn T.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” đối với nguyên đơn bà Hồng Cẩm L

Buộc bà Hồng Cẩm L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Văn T số tiền là 20.326.980.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 03/10/2025, nguyên đơn bà Hồng Cẩm L kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn bà Hồng Cẩm L đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hồng Cẩm L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 418/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn bà Hồng Cẩm L thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên: Yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu hủy bỏ hợp đồng vay tiền. Bị đơn bà Q, ông T có yêu cầu phản tố buộc bà L hoàn trả số tiền vay còn nợ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn bà Hồng Cẩm L do ông Mai Trung Đ đại diện rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu Hủy bỏ Giấy xác nhận mượn tiền ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc bà L vay của bà Q và ông T số tiền 20.326.980.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp

theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu trên là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Hồng Cẩm L, thấy rằng:

[4.1] Đối với yêu cầu: Hủy bỏ Hợp đồng vay tiền công chứng số 002029 ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Văn phòng C, được ký kết giữa bà L với bà Q và ông T, thấy rằng: Vào ngày 20 tháng 02 năm 2023 bà L ký xác nhận bà L có vay của bà Q số tiền 20.326.980.000đ. Ngày 27/3/2023 bà L ký Hợp đồng vay bà Q, ông T số tiền 20.326.980.000đ. Hợp đồng trên được Phòng C1, quyền số 02/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27 tháng 3 năm 2023. Nội dung Hợp đồng trên thể hiện: Bà Q, ông T cho bà L vay số tiền 20.326.980.000đ. Bà L cho rằng: Bà L ký giấy xác nhận vào hợp đồng vay tiền trên với mục đích để bà Q lo thủ tục, giấy tờ nhà đất và lo thủ tục bán nhà chứ không có vay số tiền trên.

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa phúc thẩm bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà L. Mặt khác, đại diện theo ủy quyền của bà L xác nhận giữa bà L và bà Q có làm ăn chung mượn tiền qua lại để đầu tư nhưng không biết là bao nhiêu. Từ những phân tích trên có cơ sở xác định, yêu cầu khởi kiện của bà L là không phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là phù hợp.

[4.2] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Kim Q, thấy rằng: Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền, số công chứng 002029 quyền số 02/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27 tháng 3 năm 2023 được ký kết giữa bên cho vay bà Q, ông T với bên vay bà L được Văn phòng C chứng thực, thể hiện: Bà L vay của bà Q và ông T số tiền 20.326.980.000đ nhưng đến nay chưa trả. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q, ông T nên cần buộc bà L có trách nhiệm trả cho bà Q, ông T số tiền 20.326.980.000đ là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Q, ông T là phù hợp.

Bà Q, ông T không yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Hồng Cẩm L; Chấp nhận quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L nên bà L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hồng Cẩm L.
3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 418/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 357, Điều 587 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Cẩm L về việc “Tranh chấp Hủy bỏ Giấy xác nhận mượn tiền ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc bà L vay của bà Q và ông T số tiền 20.326.980.000 đồng” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Văn T

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồng Cẩm L về việc “Tranh chấp Hủy bỏ Hợp đồng vay tiền công chứng số 002029 ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại Văn phòng C, được ký kết giữa bà L với bà Q và ông T” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Văn T.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” đối với nguyên đơn bà Hồng Cẩm L

3.1. Buộc bà Hồng Cẩm L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Văn T số tiền là 20.326.980.000đ (Hai mươi tỷ, ba trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi ngàn đồng).

3.2. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Hồng Cẩm L chịu số tiền 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận và số tiền 128.327.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ. Tất cả sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo các biên lai thu số 0008558; 0008559 cùng ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh) sang án phí để thi hành. Bà Hồng Cẩm L còn phải nộp tiếp số tiền 128.027.000 đồng.

4.2. H2 lại cho bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Văn T số tiền 64.163.000đồng tạm ứng án phí mà bà Q và Ông T đã nộp theo biên lai thu số 0006252 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3, tỉnh Tây Ninh).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồng Cẩm L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008333 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 3 – Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 3 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Phước Thanh